BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2014/TT-BKHCN *Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2014*

THÔNG TƯ
Quy định nguyên tắc, tiêu chí xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số *133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ và Nghị định số 103/2011/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định* số *133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008;*

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban điều hành Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định nguyên tắc, tiêu chí xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Thông tư này quy định nguyên tắc, tiêu chí xét chọn đề tài, dự án khoa học và công nghệ và các hoạt động (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ) do Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây viết tắt là Quỹ) tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay quy định tại Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ tại Việt Nam và quản lý Quỹ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Hoạt động chủ yếu của đổi mới công nghệ* là các hoạt động đổi mới sáng tạo cho việc đổi mới sản phẩm, quy trình công nghệ, tổ chức sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, marketing nhằm tạo mới hoặc nâng cao tính năng, chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, đáp ứng yêu cầu xã hội.

2. *Dự án đổi mới công nghệ* bao gồm các hoạt động chủ yếu của đổi mới công nghệ, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án đầu tư khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ và các hoạt động hỗ trợ khác nhằm đảm bảo cho việc sản phẩm được đổi mới chiếm được thị trường trong nước và nước ngoài hoặc tạo được thị trường mới.

3. *Công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển* là các công nghệ, sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

4. *Sản phẩm quốc gia* là sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ.

5. *Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm* là sản phẩm quan trọng, cốt lõi được Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước, Bộ, ngành, địa phương.

6. *Chủ trì nhiệm vụ* là tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được Quỹ tài trợ, cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn để thực hiện nhiệm vụ.

7. *Chủ nhiệm nhiệm vụ* là cá nhân trực tiếp đứng tên thực hiện nhiệm vụ được Quỹ tài trợ, cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn.

Điều 3. Nhiệm vụ được Quỹ tài trợ, cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn

1. Dự án được Quỹ tài trợ:

a) Nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao của doanh nghiệp để tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới;

b) Ươm tạo công nghệ; sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới;

c) Đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao, ứng dụng công nghệ;

d) Chuyển giao, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia.

2. Dự án được Quỹ cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn:

a) Chuyển giao công nghệ được khuyến khích chuyển giao (gồm cả chuyển giao công nghệ tại Việt Nam và từ nước ngoài vào Việt Nam) theo Điều 9 của Luật Chuyển giao công nghệ;

b) Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

d) Chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3. Đề tài được quỹ tài trợ:

a) Nghiên cứu lập dự án nghiên cứu tiền khả thi, dự án khả thi cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến;

b) Tìm kiếm, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, cải tiến kỹ thuật cho phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

4. Hoạt động được Quỹ tài trợ:

a) Nhân rộng, phổ biến, giới thiệu và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội ở khu vực nông thôn, miền núi;

b) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, thuê chuyên gia tư vấn trong nước, chuyên gia tư vấn nước ngoài cho phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

Điều 4. Nguyên tắc xét chọn các nhiệm vụ

1. Kết quả của nhiệm vụ đem lại hiệu quả và tác động rõ rệt cho đổi mới công nghệ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; có tác động lan tỏa cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác.

2. Chủ trì nhiệm vụ phải có quyết định chủ trương đầu tư thực hiện nhiệm vụ.

3. Quỹ tài trợ một phần trong tổng thể các hoạt động chủ yếu của đổi mới công nghệ. Chủ trì nhiệm vụ phải đảm bảo nguồn vốn để thực hiện được tổng thể các hoạt động chủ yếu của đổi mới công nghệ, nguồn vốn đối ứng thực hiện các nhiệm vụ theo đúng tiến độ để đạt được các mục tiêu đề ra của đổi mới công nghệ.

4. Nội dung của nhiệm vụ không trùng lắp với các nhiệm vụ được thực hiện bằng nguồn vốn của Quỹ hoặc nguồn vốn khác của Nhà nước.

5. Ưu tiên xét chọn các nhiệm vụ phục vụ các dự án, đề án, kế hoạch, chương trình theo đề xuất đặt hàng của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ, ngành, địa phương; có tác động lớn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngành, lĩnh vực, địa phương; chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến; các nhiệm vụ thuộc nội dung của Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020; nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết; nhiệm vụ thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; doanh nghiệp vừa và nhỏ; tạo ra sản phẩm dựa trên công nghệ mở, phần mềm mã nguồn mở; sử dụng sản phẩm dựa trên công nghệ mở, phần mềm mã nguồn mở.

6. Nhiệm vụ phải đảm bảo thực hiện đầy đủ theo các nguyên tắc chung đã được quy định tại Điều này và các tiêu chí riêng cho từng loại nhiệm vụ được quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Tiêu chí chung cho các dự án tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới

Dự án tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Có báo cáo nghiên cứu khả thi, kế hoạch sản xuất và kinh doanh rõ ràng, đặc biệt bảo đảm sản phẩm chiếm tỷ lệ nhất định ở thị trường trong nước, nước ngoài hoặc tạo được thị trường mới.

2. Có chiến lược và năng lực marketing; năng lực quản lý dự án, quản lý tài chính; kế hoạch đầu tư để nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, năng lực liên doanh liên kết với các đối tác về đào tạo, nghiên cứu và phát triển công nghệ.

3. Việc thực hiện dự án góp phần tăng tối thiểu 10% giá trị gia tăng của sản phẩm.

4. Giá trị gia tăng của sản phẩm phải đạt cao hơn giá trị giá tăng theo thống kê của Tổng cục thống kê đối với sản phẩm, nhóm sản phẩm tương tự (nếu có).

Trong trường hợp đặc biệt, do yêu cầu của các dự án liên quan đến dịch bệnh, thiên tai, an sinh xã hội, dự án ở địa bàn nông thôn, miền núi đặc biệt khó khăn, Hội đồng quản lý Quỹ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định mức tối thiểu về giá trị gia tăng và giá trị tăng thêm của giá trị gia tăng cho từng sản phẩm, dịch vụ của dự án.

5. Hệ thống quản lý chất lượng của dự án phải đạt tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế theo từng chuyên ngành.

6. Bảo đảm tài chính, huy động và sử dụng vốn rõ ràng và hợp lý.

Điều 6. Tiêu chí dự án nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao

1. Đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Có đội ngũ và phương tiện phục vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ.

3. Đối với dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của doanh nghiệp chủ trì dự án phải cam kết đầu tư bình quân trong 3 năm liền bằng nguồn vốn tự có của chủ trì dự án cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam đạt ít nhất 1% tổng doanh thu hàng năm của dự án và từ năm thứ tư trở đi phải đạt trên 1% tổng doanh thu của dự án.

Điều 7. Tiêu chí dự án ươm tạo công nghệ

1. Đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 5 của Thông tư này.

2. Người chủ trì dự án có ý tưởng công nghệ, kinh doanh ý tưởng công nghệ hoặc có văn bản cho phép thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

3. Chủ trì dự án có đội ngũ chuyên gia công nghệ, năng lực hợp tác và huy động được đội ngũ chuyên gia quản lý, chuyên gia tư vấn về công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản lý và quản trị doanh nghiệp, marketing.

Điều 8. Tiêu chí dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới

1. Đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Phải có kết quả nghiên cứu do chủ trì dự án đã tiến hành và được nghiệm thu hoặc văn bản cam kết hợp tác sử dụng kết quả nghiên cứu của tổ chức, doanh nghiệp khác cho sản xuất thử nghiệm.

3. Kế hoạch sản xuất thử nghiệm đồng bộ với các hoạt động khác của dự án đổi mới công nghệ.

Điều 9. Tiêu chí dự án đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ phục vụ chuyển giao, ứng dụng công nghệ

1. Tổ chức, doanh nghiệp chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Có bộ máy tổ chức và quản lý khóa học chuyên nghiệp; đội ngũ giảng viên có trình độ, giảng dạy và kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng kiến thức; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo yêu cầu đào tạo; đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có nghiệp vụ chuyên môn, được cập nhật kiến thức mới;

b) Có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu đào tạo về sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, thông tin dưới dạng điện tử và phương tiện điện tử phục vụ tra cứu, tham khảo;

c) Có quan hệ hợp tác với các cơ sở trong nước và nước ngoài phục vụ yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức;

d) Chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phải có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu trên cơ sở điều tra, khảo sát yêu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp; được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật trên cơ sở tham khảo chương trình tiên tiến của tổ chức đào tạo nước ngoài, các ý kiến phản hồi từ nơi cử học viên đi học và doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức;

đ) Có nghiên cứu khả thi và kế hoạch hoạt động cho từng khóa học được phê duyệt.

2. Tổ chức, doanh nghiệp cử học viên đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc cá nhân tham gia đào tạo phải:

a) Đóng góp một phần kinh phí đào tạo;

b) Có văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư dự án chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ;